

Số: **219/2025/QĐST-HNGĐ**

Thuận Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THUẬN HÓA, THÀNH PHỐ HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 279/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Anh Hồ Văn L**, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, quận T, thành phố Huế.

2. **Chị Phạm Thị N**, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, quận T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay là phường T, quận T, thành phố Huế nên hôn nhân của anh L, chị N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh L và chị N chung sống với nhau được khoảng 11 năm 06 tháng, đến năm 2025 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống, hay gây gổ nhau. Anh L và chị N đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay anh L và chị N đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh L và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của

luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N.

[2] Về con chung: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N đều xác nhận có 03 con chung là Hồ Trung H, sinh ngày 08/01/2014, Hồ Trung H1, sinh ngày 04/01/2016 và Hồ Thanh H2, sinh ngày 03/5/2019. Anh L và chị N thỏa thuận giao 03 con chung là Hồ Trung H, Hồ Trung H1 và Hồ Thanh H2 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh L và chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000937 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh L, chị N đã nộp đủ.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N thỏa thuận giao 03 con chung là Hồ Trung H, sinh ngày 08/01/2014, Hồ Trung H1, sinh ngày 04/01/2016 và Hồ Thanh H2, sinh ngày 03/5/2019 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn L và chị Phạm Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh L và chị N đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25 số 0000937 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Huế. Anh L, chị N đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thuận Hóa;
- TAND quận Thuận Hóa;
- Chi cục THADS quận Thuận Hóa;
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận An
(ĐKKH số 41 ngày 07/5/2013
tại UBND xã Hải Dương);
- Lưu án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình